

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2026/TCDS-ST

Ngày 23 - 01 - 2026

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Biên Ngân

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Trị

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2025/TLST-TCDS ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản cho mượn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-TCDS ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978

Nơi cư trú: thôn C, xã N, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Khắc C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

- Bị đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1961

Nơi cư trú: thôn C, xã N, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990

Nơi cư trú: thôn C, xã N, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của Đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2025, Bản tự khai, Biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Do cần tiền để làm thủ tục cho con trai là Nguyễn Văn H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên ngày 06/9/2022, bà đã đồng ý cho bà Hồ Thị T vay tiền. Ngày 17/7/2023, bà đã ký “Giấy mượn tiền” để đồng ý cho bà T vay số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), thời hạn vay từ 06 tháng đến 10 tháng; Giấy mượn tiền này thể hiện bên mượn tiền là bà T, bà T có ký tên và điểm chỉ; anh H cũng ký tên và điểm chỉ vào Giấy mượn tiền này nhưng chỉ để làm chứng. Cùng ngày 17/7/2023, bà đồng thời cũng ký một Giấy mượn tiền khác để cho anh Nguyễn Văn H vay số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 01 năm, tuy nhiên tại giấy mượn tiền này bên mượn tiền lại là anh H ký tên, điểm chỉ và nhận nợ; bà T có ký tên và điểm chỉ nhưng chỉ để làm chứng.

Theo cam kết tại Giấy mượn tiền ngày 17/7/2023 thì cho đến nay đã quá thời hạn nhưng bà T vẫn không trả nợ cho bà. Mặc dù bà đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T vẫn chây ỳ và cố tình không trả nợ.

Tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2025, bà yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả nợ cho bà tổng số tiền là 996.000.000 đồng; trong đó: số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả nợ tạm tính là 396.000.000 đồng mà bà phải trả lãi hàng tháng (Do bà cũng phải vay từ người khác để cho bà T vay). Tuy nhiên, quá trình tham gia giải quyết vụ án, bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bà T trả nợ số tiền 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/7/2025 do anh H ký mượn tiền. Nay bà chỉ yêu cầu bà T trả nợ số tiền là 500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/7/2025 do bà T ký mượn tiền và không yêu cầu bà T phải trả tiền lãi.

Về phía bị đơn, tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2025 và Biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 01/12/2025, bà Hồ Thị T trình bày: bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà vẫn thừa nhận Giấy mượn tiền ngày 17/7/2023 với số tiền vay là 500.000.000 đồng là do bà ký tên, điểm chỉ để vay tiền, nhưng thực tế bà chỉ ký để vay số tiền là 200.000.000 đồng mà không phải là 500.000.000 đồng theo như Giấy mượn tiền đó. Khi bà ký tên, điểm chỉ thì anh

H con trai bà cũng ký tên, điểm chỉ nhưng chỉ để làm chứng cho việc bà vay tiền của bà T. Về lãi suất vay, theo Giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất và cũng do bà đã cao tuổi nên bà cũng không nhớ cụ thể là bà và bà T có thoả thuận về lãi suất hay không. Quá trình vay tiền, do điều kiện khó khăn nên bà chưa trả được đồng tiền nợ gốc nào cho bà T.

Về phía người làm chứng anh Nguyễn Văn H, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh tại Công an xã N, tỉnh Quảng Trị và theo lời khai của bà T (Là mẹ đẻ của anh H, kết quả cho thấy: Anh H hiện đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, bà T cũng không biết địa chỉ của anh H. Theo kết Công văn số 172/PA08-Đ1 ngày 14/01/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị xác định: anh Nguyễn Văn H, hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài, do đó anh H không thể có mặt để tham gia giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc yêu cầu bà T trả nợ số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi là 396.000.000, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho rằng, chữ ký, chữ viết của bà Hồ Thị T đã thể hiện ý chí của người mượn tiền, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa là quanh co, chối cãi đối với số tiền đã mượn. Tài liệu, chứng cứ mà bà Thắng cung cấp cho Tòa án là rõ ràng và đầy đủ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 164, 166, 167, 357, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà T trả cho bà T số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả nợ và bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Bị đơn bà T không thừa nhận việc vay 500.000.000 đồng của bà T. Bà T cho rằng bản thân chỉ ký vào giấy để bảo lãnh cho việc con trai bà là anh H vay số tiền 200.000.000 đồng của người khác nhưng bà không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn và người làm chứng được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không

thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung, áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, 228, 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự đã được sửa đổi năm 2025; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng anh Nguyễn Văn H.
- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bà Hồ Thị T trả nợ số tiền 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/7/2025 do anh Nguyễn Văn H ký mượn tiền và yêu cầu bà Hồ Thị T phải trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị T.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Hồ Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

- Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên buộc Bị đơn bà Hồ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà T là người cao tuổi và có Đơn xin miễn tiền án phí nên miễn tiền án phí cho bà T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Giữa bà Nguyễn Thị T và bà Hồ Thị T có thỏa thuận ký vay mượn tiền thông qua Giấy mượn tiền số tiền 500.000.000 đồng về việc vay tiền giữa các bên vào ngày 17/7/2023. Trong Giấy mượn tiền có thể hiện việc các bên thỏa thuận về số tiền nợ và thời hạn trả nợ. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi tiền nợ theo Giấy mượn tiền đã ký kết. Như vậy, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Hồ Thị T có địa chỉ cư trú tại thôn C, xã N, tỉnh Quảng Trị nên theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự đã được sửa đổi năm 2025 và điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

[1.3] Về sự vắng mặt của người làm chứng:

Người làm chứng anh Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tại Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung của vụ án:

[2.1] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện:

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa buộc bà T phải trả nợ cho bà tổng số tiền là 996.000.000 đồng; trong đó: số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả nợ tạm tính là 396.000.000 đồng mà bà phải trả lãi hàng tháng (Do bà cũng phải vay từ người khác để cho bà T vay). Tuy nhiên, tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 05/12/2025 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc yêu cầu bà Hồ Thị T phải thanh toán số nợ gốc 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/7/2025 do anh Nguyễn Văn H ký mượn tiền và yêu cầu bà Hồ Thị T phải thanh toán số tiền lãi chậm trả nợ là 396.000.000 đồng. Bà chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị T có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/7/2023. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn

[2.2] Căn cứ vào ý kiến trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập đã được thẩm tra tại phiên tòa đã thể hiện:

Vào ngày 17/7/2023, bà Hồ Thị T đã ký Giấy mượn tiền để vay bà Nguyễn Thị T số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn vay từ 06 tháng đến 10 tháng, không thể hiện thoả thuận lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà T, bà T thừa nhận bà có ký tên, điểm chỉ vào Giấy mượn tiền ngày 17/7/2023 để vay tiền của bà T, nhưng bà T không thừa nhận là bà vay 500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền mà thực tế bà T chỉ vay của bà T 200.000.000 đồng. Nhưng tại phiên

toà, bà T cho rằng bà chỉ ký vay của người khác 200.000.000 đồng để bảo lãnh cho con trai bà. Tuy nhiên, bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh sự việc nói trên. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà T về việc bà T không vay tiền của bà T.

Việc anh Nguyễn Văn H ký tên, điểm chỉ vào Giấy mượn tiền số tiền 500.000.000 đồng ngày 17/7/2023, theo như trình bày của bà T và bà T thì cả hai đều thừa nhận anh H không có liên quan gì đến số tiền vay này mà anh H chỉ ký tên, điểm chỉ để làm chứng.

Xét thấy, Giấy mượn tiền ngày 17/7/2023 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có chữ ký của người cho mượn tiền là bà Nguyễn Thị T và bên mượn tiền là bà Thành bà Hồ Thị T, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hoặc ép buộc nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Tại giấy vay tiền ngày 17/7/2023, hai bên thỏa thuận thời hạn mượn tiền là từ 6 tháng đến 10 tháng thì bà T sẽ hoàn trả số tiền đã mượn. Tuy nhiên, quá thời hạn trên bà T yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không trả cho bà T nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Việc bà T chậm trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ cần được chấp nhận, buộc bà Hồ Thị T có trách nhiệm trả nợ số tiền 500.000.000 đồng cho bà T là có căn cứ và đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên bị đơn bà Hồ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 miễn tiền án phí cho bà T.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự đã được sửa đổi năm 2025; các Điều 463, 466 Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng anh Nguyễn Văn H.

2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Hồ Thị T phải thanh toán số nợ gốc 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/7/2023 do anh Nguyễn Văn H ký mượn tiền và yêu cầu bà Hồ Thị T phải thanh toán số tiền lãi chậm trả nợ là 396.000.000 đồng.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Hồ Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

Miễn tiền án phí cho bà Hồ Thị T. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 20.940.000 đồng (*Hai mươi triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*) mà bà Nguyễn Thị T đã nộp trước đây tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001291 ngày 23/10/2025.

“Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

5. Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 3;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

